

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**  
Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel : 02263.857.355 0976 568 827 Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

# **HỒ SƠ NĂNG LỰC**

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU  
VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - LAS XD 1201**

HÀ NAM, NĂM 2023

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên công ty : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**

Địa chỉ: Số 15, tổ 21, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại : 02263 857 355 - 0913511688

Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

Giấy phép thành lập số 0700220392 do Sở KHĐT Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 25/11/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/12/2013

Vốn điều lệ : 8.000.000.000 (Tám tỷ đồng).

Tài khoản : 115 0000 18709 tại Ngân hàng Công thương tỉnh Hà Nam

Mã số thuế : 0700220392

### **Phương châm hoạt động của Công ty:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quang Anh là một Công ty chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý dự án, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; là nhà chuyên nghiệp về thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

Công ty luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực; nghiên cứu, tiếp cận các công nghệ, phương pháp mới trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng các công trình; phấn đấu sẽ trở thành một thương hiệu nổi tiếng trong ngành xây dựng.

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật đông đảo, được đào tạo cơ bản và chính quy, có trình độ kỹ thuật cao, có nhiều năm kinh nghiệm tham gia thi công các công trình quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao. Có nhiều thiết bị máy móc, thiết bị thi công cơ giới hiện đại đủ điều kiện thi công các công trình lớn.

Quý khách hàng yên tâm và tin tưởng rằng chúng tôi sẽ tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật khắt khe nhất.

**CÔNG TY TNHH QUANG ANH**



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

**ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NHÂN VIÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD1201**

Đội ngũ cán bộ công nhân viên là các kỹ sư, kỹ thuật viên thuộc các chuyên ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi, địa kỹ thuật giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, chính quy. Đội ngũ cán bộ công nhân viên được biên chế như sau:

TT	Họ tên	Trình độ	Kinh nghiệm công tác	Chức danh
1	Nguyễn Chí Công	Kỹ sư xây dựng	12 năm	Trưởng phòng thí nghiệm
2	Đỗ Xuân Nguyên	Thạc sỹ Địa kỹ thuật xây dựng	18 năm	Khảo sát địa chất
3	Nguyễn Trung Dũng	Kỹ sư xây dựng	15 năm	Thí nghiệm vật liệu đường bộ
4	Nguyễn Văn Chuyển	Cao đẳng thủy lợi	7 năm	Thí nghiệm vật liệu xây dựng
5	Nguyễn Quang Trí	Kỹ sư xây dựng	7 năm	Thí nghiệm vật liệu, BT nhựa
6	Trần Khắc Phú	Kỹ sư địa chất	7 năm	Thí nghiệm vật liệu, nền móng
7	Nguyễn Văn Thao	Kỹ sư địa chất công trình	25 năm	Khảo sát địa chất
8	Đỗ Hồng Việt	Thí nghiệm viên	5 năm	Thí nghiệm cơ tính mẫu thép
9	Đỗ Đăng Khoa	Thí nghiệm viên	5 năm	Thí nghiệm đất xây dựng
10	Trần Hữu Liêm	Thí nghiệm viên	4 năm	Thí nghiệm đất xây dựng
11	Nguyễn Văn Quang	Thí nghiệm viên	12 năm	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
12	Đặng Thị Thúy Hà	Thí nghiệm viên	16 năm	Thí nghiệm đất, đá xây dựng

13	Nghiêm Xuân Sơn	Thí nghiệm viên	5 năm	Thí nghiệm VL trong phòng và hiện trường
14	Nguyễn Việt Thắng	Thí nghiệm viên	13 năm	Thí nghiệm VL đường bộ
15	Lê Văn Sử	Thí nghiệm Viên	16 năm	Thí nghiệm VL đường bộ
16	Đào Văn Thuận	Kỹ sư địa chất thủy văn	12 năm	Khảo sát địa chất
17	Nguyễn Văn Quảng	Kỹ sư địa chất công trình	16 năm	Khảo sát địa chất

#### **CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM**

- Thực hiện các thí nghiệm trong phòng về vật liệu xây dựng: xi măng, đất xây dựng, đá dăm, cát, gạch, gạch block tự chèn, nhựa bitum,...
- Thiết kế trong phòng cấp phối bê tông xi măng, vữa xây dựng, bê tông nhựa;
- Kiểm định chất lượng các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi: siêu âm cốt thép, thử cường độ bằng ống bọt nẩy kết hợp siêu âm, ăn mòn bê tông cốt thép, ...
- Thực hiện các thí nghiệm kiểm tra nền móng công trình: thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc BTCT, cọc khoan nhồi; các thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi; thí nghiệm kiểm tra độ chặt nền đất; thí nghiệm kiểm tra cấu kiện bê tông cốt thép
- Khảo sát địa kỹ thuật: khoan khảo sát, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn, xuyên tĩnh, cắt cánh;
- Quan trắc quan trắc lún, chuyển vị công trình; quan trắc địa chất thủy văn; ...
- Tư vấn biện pháp xử lý các sự cố công trình có nguyên nhân nền móng;
- Tư vấn, chuyển giao các công nghệ, thiết bị máy móc phục vụ thí nghiệm.

#### **CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM**

Trong những năm gần đây, với yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày càng cao, công nghệ sản xuất ngày càng được cải tiến. Chúng tôi đã tiến hành nâng cấp một số máy móc thiết bị cũ, trang bị sản xuất các thiết bị thí nghiệm đo đạc hiện đại của các

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**  
 Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

ong nổi tiếng trên thế giới như:CONTROL của Italia; LUDA của Trung Quốc, SOILTEST của Mỹ và T.TECH của Việt Nam

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Tình trạng
<b>I</b>	<b>Thiết bị thí nghiệm</b>				
1	Máy kéo nén thép – NEW LUDA	bộ	1	Trung Quốc	Tốt
2	Máy nén bê tông – TYE2000	bộ	1	Trung Quốc	Tốt
3	Máy thí nghiệm CBR trong phòng	bộ	2	TTECH	Tốt
4	Máy thí nghiệm CBR hiện trường	bộ	1	Italia	Tốt
6	Máy thí nghiệm nén ba trục – TSZ3.2	bộ	1	TQ	Tốt
7	Máy cắt phẳng tự động	bộ	1	TQ	Tốt
8	Máy nén Tam Liên	bộ	5	TQ	Tốt
9	Máy thí nghiệm MARSHAL	bộ	2	Anh	Tốt
10	Máy đo độ kim lún tự động	bộ	1	Italia	Tốt
11	Máy siêu âm bê tông CNS	bộ	1	Anh	Tốt
12	Súng thử bê tông PROCEED	bộ	1	Thụy Sĩ	Tốt
13	Bộ sàng theo ASTM SOILTEST	cái	15	Mỹ	Tốt
14	Bộ sàng thí nghiệm cốt liệu bê tông	cái	10	Trung Quốc	Tốt
15	Máy cắt mẫu	bộ	1	TQ	Tốt
16	Thiết bị xác định giới hạn chảy	bộ	2	Anh	Tốt
17	Các dụng cụ thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đất, xi măng, đá, cát, sỏi...	bộ	32	TQ, L.Xô Việt Nam	Tốt
18	Thiết bị đo độ nhớt nhựa đường CONTROL	bộ	1	Italia	Tốt
19	Dụng cụ Vica	bộ	1	Trung quốc	Tốt
20	Côn thử độ sụt	bộ	1	Việt Nam	Tốt
21	Bình ổn nhiệt	bộ	1	Đức	Tốt
22	Máy phân ly nhựa đường	bộ	1	Việt Nam	Tốt
23	Cân phân tích điện tử OHAUS – USA	bộ	1	Mỹ	Tốt
24	Cân phân tích điện tử VIBRA	bộ	1	Nhật Bản	Tốt
25	Cân điện tử ADAM 15kg (chính xác 1g)	bộ	1	Anh	Tốt
26	Lò nung	bộ	1	Trung quốc	Tốt

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**  
 Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nguồn gốc	Tình trạng
27	Tủ sấy	bộ	2	Trung quốc	Tốt
28	Bàn dẫn mẫu bê tông	bộ	1	Trung quốc	Tốt
29	Thùng hấp mẫu xi măng	bộ	1	Trung quốc	Tốt
<b>II Thiết bị khảo sát địa chất và thí nghiệm hiện trường</b>					
30	Cần Belkenman	bộ	1	Anh	Mới
31	Thiết bị đo bằng phẳng mặt đường	bộ	1	Anh	Mới
32	Máy khoan XY- 1A	bộ	1	Trung Quốc	Mới
33	Máy khoan UKB 12/25	bộ	1	Việt Nam	Tốt
34	Máy khoan bê tông nhựa	bộ	1	Trung quốc	Tốt
35	Kích thủy lực 100, 200 tấn	bộ	1	Trung Quốc	Mới
36	Thiết bị xuyên tĩnh GOUDA	bộ	1	Hà Lan	Tốt
<b>III Thiết bị văn phòng</b>					
37	Máy vi tính để bàn	bộ	1	Đông nam á	tốt
38	Máy vi tính xách tay	bộ	3	DELL	Tốt
39	Máy in lasser A4	chiếc	1	CANON	Tốt

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG**

Các chỉ tiêu thí nghiệm của Phòng thí nghiệm được Bộ xây dựng cấp, kèm theo Giấy chứng nhận số 462/GCN-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng gồm các chỉ tiêu thí nghiệm thuộc các lĩnh vực sau:

TT	Tên các lĩnh vực thí nghiệm
1	Thí nghiệm cơ lý xi măng
2	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng
3	Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa
4	Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng
5	Thí nghiệm kiểm tra thép xây dựng

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel : 02263.857.355    0976 568 827;    Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

6	Thí nghiệm bê tông nhựa
7	Thí nghiệm nhựa bitum
8	Các thí nghiệm hiện trường
8.1	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông
8.2	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai
8.3	Xác định khối lượng thể tích, độ ẩm của đất bằng phương pháp rót cát
8.4	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m
8.5	XĐ mô đun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng
8.6	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman
8.7	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát
8.8	Phương pháp xác định mô đun biến dạng đất nền ngoài hiện trường
8.9	Thí nghiệm cọc bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục
8.10	Công tác trắc địa và quan trắc
9	Thí nghiệm cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa
10	Thử nghiệm vữa xây dựng
11	Thử nghiệm cơ lý gạch xây
12	Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông, gạch bê tông tự chèn, ...

**CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG THÍ NGHIỆM THỰC HIỆN**

Phòng thí nghiệm LAS XD 1201 được thành lập từ tháng 3 năm 2012 dưới sự quản lý của Công ty CP đầu tư phát triển Thành Đạt. Từ ngày 01/11/2016, Phòng thí nghiệm được quản lý, điều hành bởi Công ty TNHH Quang Anh.

Ngay từ lúc thành lập, Phòng thí nghiệm đã thực hiện nhiều công trình thí nghiệm, kiểm định, thí nghiệm nền móng và khảo sát địa chất. Được sự quan tâm của lãnh đạo công ty, phòng thí nghiệm được đầu tư nhiều máy móc, thiết bị mới, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe nhất của các đơn vị Chủ đầu tư, tư vấn giám sát.

Các công trình mà phòng thí nghiệm thực hiện theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng được các Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát đánh giá cao về chất lượng khẳng định uy tín, chất lượng của Phòng thí nghiệm LAS XD 1201.

Một số công trình tiêu biểu, các lĩnh vực mà phòng thí nghiệm thực hiện:

*Hồ sơ giới thiệu năng lực phòng thí nghiệm*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

**Các công trình Khảo sát địa chất tiêu biểu**

TT	Tên công trình	Đơn vị yêu cầu
1	Cầu Tây bắc qua sông Nông Giang thuộc công trình Đường vào nhà máy Ferocrom xã Tân Khang	Công ty cổ phần Ferocrom Việt Nam
2	Khu nhà ở thấp tầng Tiến Lộc – Thành phố Phủ Lý – tỉnh Hà Nam	Công ty TNHH sản xuất thương mại Tiến Lộc
3	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng – Xã Đạo Lý – huyện Lý Nhân – Tỉnh Hà Nam	Công ty CP khoáng sản và vật liệu mới Tiến Lộc
4	Dự án đầu tư xây dựng Cảng Yên Lệnh bắc Hà Nam	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt
5	Trạm bán lẻ xăng dầu và các dịch vụ thương mại kèm theo	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thụy Dương
6	Dịch vụ thương mại và nhà ở cho thuê – Khu công nghiệp Đồng Văn I	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đồng Văn III – Giai đoạn 2	Công ty cổ phần tân cảng Hà Nam

**Các công trình Thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc bê tông cốt thép, nén tĩnh nền**

TT	Tên công trình	Đơn vị yêu cầu
1	Trung tâm thương mại Tiến Lộc – Tiến Lộc Plaza	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc
2	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và các cầu trên tuyến ĐH.10 đoạn từ Km 1+600 đến km 2+600 thuộc xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	Công ty TNHH An Bình
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông dọc đường cao tốc kết nối từ QL38 đến QL21B – Thí nghiệm nén tĩnh cọc BTCT 06 công trên tuyến	Công ty TNHH MTV Hiệp Thành và Công ty TNHH MTV Xây dựng và thương mại Phúc Thành Phát

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**  
 Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: quanganh.las1201@gmail.com

4	Dự án cấp nước và vệ sinh nông thôn đồng bằng sông Hồng – giai đoạn 2 (Hệ thống cấp nước sạch xã An Lão, huyện Bình Lục)	Công ty TNHH xây dựng Quang Thành
5	Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 bệnh viện hữu nghị Việt Đức – Hạng mục tường rào	Công ty cổ phần Vinaconex 25
6	Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 bệnh viện hữu nghị Việt Đức – Hạng mục bể nước ngầm	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt
7	Dịch vụ thương mại và nhà ở cho thuê – Khu công nghiệp Đồng Văn I	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt

**Các công trình thí nghiệm vật liệu trong quá trình thi công tiêu biểu**

TT	Công trình	Đơn vị yêu cầu
1	Chung cư Tiến Lộc Hà Nam (Dành cho người thu nhập thấp)	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc
2	Đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi và dệt may	Công ty cổ phần xây dựng Cotec - COTECCONS
3	Trung tâm thương mại Tiến Lộc – Tiến Lộc Plaza	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc
4	Xây dựng trụ sở cục thuế tỉnh Hà Nam	Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC
5	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và cầu trên tuyến ĐH.10 đoạn từ Km 1+600 đến km 2+600 xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	Công ty TNHH An Bình
6	Xây dựng ký túc xá B2, B5 NX tại cơ sở đào tạo Hà Nam của Trường đại học Công nghiệp Hà Nội	Trường đại học công nghiệp Hà Nội
7	Nạo vét kiên cố hóa kênh tưới trạm bơm Đanh Xuyên	Công ty TNHH Xây dựng Hà Trang
8	Gói thầu số 04: Toàn bộ phần xây lắp công trình, dự án đầu tư xây dựng khu nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng tỉnh Hà Nam	Công ty Xây dựng Thành Đạt

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

9	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đấu giá QSD đất tại Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Công ty TNHH Xây dựng Hà Trang
10	Gói thầu 03: Xây lắp (giai đoạn I) dự án đầu tư xây dựng HTKT mở rộng cụm công nghiệp Kiện Khê, huyện Thanh Liêm	Công ty CP đầu tư phát triển Thành Đạt
11	Gói thầu 03: Xây dựng trục giao thông chính và một số hạng mục hạ tầng dự án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng trục giao thông chính và một số hạng mục hạ tầng KCN Đồng Văn II (Giai đoạn I), huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt
12	Nhà máy chế biến thức ăn NASACO Hà Nam	Công ty cổ phần xây dựng ALPHA
13	Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của bệnh viện Bạch Mai Gói thầu: Thiết kế thi công, xây dựng lắp đặt và cung cấp thiết bị hạ tầng kỹ thuật	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt và Công ty cổ phần Vinaconex 25
14	Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của bệnh viện Việt Đức Gói thầu: Thiết kế thi công, xây dựng lắp đặt và cung cấp thiết bị hạ tầng kỹ thuật	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt và Công ty cổ phần Vinaconex 25
15	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm y tế chất lượng cao tỉnh Hà Nam (giai đoạn 1)	Công ty Hà Phương
16	Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học – Tỉnh Hòa Bình	Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông
17	Mở rộng nâng cấp Cảng Bút Sơn	Công ty xi măng Bút Sơn
18	Đầu tư xây dựng khu nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng tỉnh Hà Nam	Công ty CP đầu tư phát triển Thành Đạt
19	Xây dựng HTKT khu nhà ở phía đông thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.	Công ty Hà Phương

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

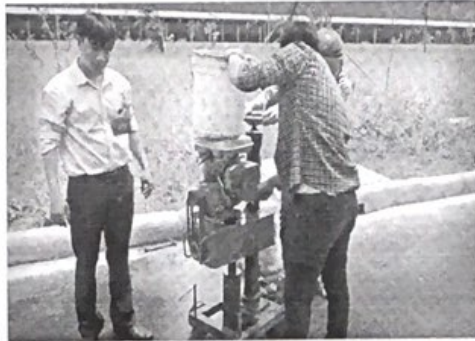
	Thuộc dự án điều chỉnh khu nhà ở phía đông thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (GD1)	
20	Cải tạo, kiên cố hóa kênh A4-6, nhánh A4-8-29 và trạm bơm phục vụ chống úng cho các KCN, khu đô thị và sản xuất nông nghiệp, khu vực Đồng Văn ( GD1)	Công ty Hà Phương
21	Trường cao đẳng nghề Hà Nam	Công ty Hà Phương, công ty Anco
22	Nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguy cơ sạt lở xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân	Công ty Hà Phương
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH13 đoạn từ Km0+00 đến Km0+833.12 thuộc địa phận xã Châu Giang, huyện Duy Tiên.	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐX04 đoạn từ cổng chào thôn Phúc Thành ra đường QL38 mới và một số tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Châu Giang	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội
25	Đầu tư xây dựng điểm trường mới trường mầm non xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên phục vụ con em công nhân KCN trên địa bàn huyện Duy Tiên	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội
26	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Mộc Bắc, huyện Duy Tiên	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội
27	Gói thầu số 03 xây dựng trục giao thông chính và một số hạng mục hạ tầng dự án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng trục giao thông chính và một số các hạng mục hạ tầng KCN đồng văn III (giai đoạn I), huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thành Đạt
28	Mở rộng nhà kho công ty TNHH ISHIGAKY Việt Nam	Công ty CP xây dựng ALPHACO Hà Nội
29	Nhà máy Air water Hà Nam – giai đoạn I	Nishimatsu Việt Nam co.,LTD

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

30	Xây dựng trung tâm khai thác vận chuyển bưu điện tỉnh Hà Nam	Công ty cổ phần xây dựng C BHI
31	Nhà máy Anam 2 ELECTRONICS	Công ty TNHH xây dựng Vinacon Nam Khánh
32	Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất	Công ty CP kỹ thuật – xây dựng và thương mại C.E.T
33	Nhà máy Jarllytec Hà Nam	Công ty CP tập đoàn GREAT RESOURCES

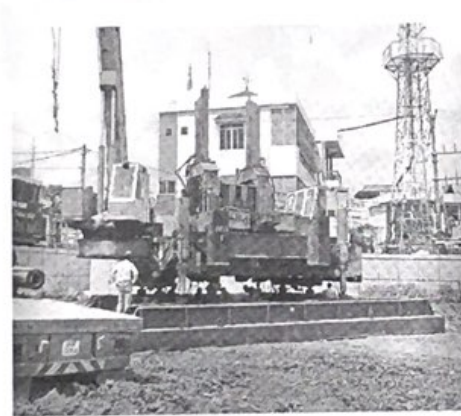
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG**



*Khoan lấy kiểm tra, lấy mẫu bê tông nhựa*



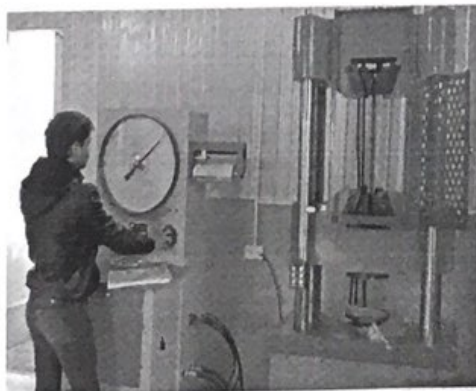
*Đo môđun đàn hồi đường bằng cần Benkelman*



*Thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc BTCT*



*Thí nghiệm nén tĩnh nền*



*Thí nghiệm kéo mẫu thép cốt bê tông*



*Thí nghiệm bê tông xi măng*



*Thí nghiệm nén lún mẫu đất (máy nén tam liên)*



*Thí nghiệm cắt phẳng trực tiếp mẫu đất*



*Khảo sát địa chất công trình*



*Quan trắc lún, chuyển vị công trình*



*Gia công mẫu gạch bê tông thí nghiệm*



*Thí nghiệm kiểm tra cường độ cấu kiện*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG – LAS XD1201**

Địa chỉ : Phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
Tel : 02263.857.355 0976 568 827; Email: [quanganh.las1201@gmail.com](mailto:quanganh.las1201@gmail.com)

---

**CÁC QUYẾT ĐỊNH, CHỨNG CHỈ PHÒNG THÍ NGHIỆM**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH HÀ NAM  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**BẢN SAO**  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0700220392**

*Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 11 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 04 tháng 12 năm 2013*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY QUANG ANH

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 15, tổ 21, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Điện thoại: 03513.857.355-0913.511.688 Fax:

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình điện đến 110KV.	4290 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Mua bán vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi. - Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. - Mua bán kính xây dựng, sơn, vécni, vật tư thiết bị ngành nước. - Mua bán tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. - Mua bán đồ ngũ kim.	4663
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát, sỏi.	0810
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng.	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông đường bộ, hệ thống điện công trình dân dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế quy hoạch hệ thống thoát nước, đường bộ trong khu đô thị.</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng.</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình.</li> <li>- Thiết kế nội ngoại thất công trình.</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện.</li> <li>- Lập dự án đầu tư xây dựng, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, hồ sơ mời thầu, đấu thầu, quản lý dự án, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông đường bộ, hệ thống điện công trình dân dụng.</li> </ul>	7110
6	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Mua bán sắt thép.</p>	4662
7	<p>Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Chế biến đá.</p>	2399
8	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các bộ phận khác dùng trong mạch điện).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.</li> </ul>	4659
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11	Phá dỡ	4311

**4. Vốn điều lệ** 8.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Tám tỷ đồng*

**5. Vốn pháp định**

**6. Danh sách thành viên góp vốn**



Số: 224 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Quang Anh và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/10/2021.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH Quang Anh

Mã số thuế: 0700220392

Địa chỉ: Số 15, tổ 21, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, Hà Nam.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, Hà Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1201

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 462/GCN-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Quang Anh;
- Sở XD Hà Nam;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



**CHỦ TỊCH  
HỒ NGỌC TUYẾN**

**Vũ Ngọc Anh**

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1201**  
 (Kèm theo Giấy chứng nhận số: 224 /GCN-BXD, ngày 04 tháng 11 năm 2021  
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>		
1.	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2 : 2006
2.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 : 2006
3.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 2006
4.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6 : 2006
5.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006
6.	XĐ hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 2006
7.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 2006
8.	XĐ cường độ và độ hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 2006
9.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11 : 2006
10.	Xác định hàm lượng hạt thổi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 2006
11.	XĐ độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12 : 2006
12.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17 : 2006
13.	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572-20 : 2006
14.	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883 - 99
15.	Xác định hệ số ( ES )	ASTM D2419 - 91
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
16.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 : 1993
17.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 : 1993
18.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109 : 1993
19.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 : 1993
20.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113 : 1993
21.	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116: 1993
22.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118 : 1993
23.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 1993
24.	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
25.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
<b>THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
26.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030 : 2003
27.	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016 : 2011
28.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017 : 1995
<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
29.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1 : 2003
30.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 : 2003
31.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6 : 2003



*ea*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
32.	Xác định khối lượng thể tích của vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2003
33.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2003
34.	Xác định độ hút nước của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18 : 2003
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>		
35.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
36.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
37.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
38.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
39.	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09
40.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>		
41.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
42.	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
43.	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99
44.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99
<b>THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG</b>		
45.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:11
46.	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:11
47.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:11
48.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:11
49.	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:11
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẸ</b>		
50.	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2011
51.	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2011
52.	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2011
53.	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2011
<b>GẠCH GÓM ÓP LÁT</b>		
54.	Xác định kích thước và hình dạng	TCVN 6415: 1998
55.	Xác định chất lượng bề mặt	TCVN 6415: 1998
56.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415: 1998
57.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415: 1998
58.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6415: 1998
<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>		
59.	Thử kéo	TCVN 197 : 2002
60.	Thử uốn	TCVN 198 : 2008
61.	Kiểm tra chất lượng hàn ống- Thử nén dẹt	TCVN 5402: 10
62.	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401: 10
63.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 10
64.	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997; (ISO 10065: 1990)
65.	Thử kéo bu lông neo	TCVN 1916: 95
<b>THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG</b>		
66.	Xác định khối lượng riêng( tỷ trọng )	TCVN 4195:12
67.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
68.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12



*Handwritten signature or mark.*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
69.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
70.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12
71.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
72.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12
73.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng; PP đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202:12
74.	Đảm nén đất, đá đảm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333- 06
75.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	AASHTO T193-93; 22TCN 332- 06
76.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:2011
77.	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
78.	Xác định độ trương nở.	14 TCN 133 - 2005
79.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	14 TCN 134 - 2005
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		
80.	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11
81.	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
82.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
83.	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346 : 2006
84.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02 : 71
85.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
86.	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:93
87.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy: xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
88.	Kết cấu bê tông cốt thép – Phương pháp điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
89.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360: 2012
90.	Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400: 2012
91.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
92.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM-D1586:92
93.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
94.	Cọc - PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012
95.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
96.	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
97.	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:12

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
98.	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:12
99.	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
100.	Ống công bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:12
<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
101.	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
102.	- Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
103.	- Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
104.	- Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
105.	- Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
106.	- Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
107.	- Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
108.	- Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:11
109.	- Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
110.	- Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
111.	- Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
112.	- Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>		
113.	Thành phần hạt	22TCN 58 : 1984
114.	Lượng mất khi nung	22TCN 58 : 1984
115.	Hàm lượng nước	22TCN 58 : 1984
116.	Khối lượng riêng	22TCN 58 : 1984
117.	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58 : 1984
118.	Hệ số háo nước	22TCN 58 : 1984
119.	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58 : 1984
120.	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58 : 1984
121.	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58 : 1984
122.	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58 : 1984
123.	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58 : 1984
<b>THÍ NGHIỆM CƠ LÝ NHỰA BITUM</b>		
124.	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05
125.	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
126.	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
127.	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
128.	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
129.	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05
130.	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05



*Doc*

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
<b>NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG AXÍT</b>		
131.	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:05
132.	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; ASTM D202; TCVN 8818-5:11
133.	Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:05
134.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11
135.	Thí nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:11; TCVN 8817-9:11
136.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11
137.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11
138.	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11
139.	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:11
140.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
141.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
142.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
143.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11
144.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
145.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
146.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
147.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
148.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN8817-15:11
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THÁM</b>		
149.	Xác định lực kéo giật và độ giãn kéo giật	TCVN 8871-1:2011, ASTM D4632:08
150.	Xác định độ kéo rách hình thang	TCVN 8871-2:2011, ASTM D4533:09
151.	Xác định lực xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011, ASTM D6241: 09
152.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011
153.	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
154.	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sang khô	TCVN 8871-6:2011, ASTM D4751 :93
155.	Xác định khối lượng đơn vị thể tích vải địa không dệt.	ASTM D5261:10
<b>CƠ LÝ BENTONNIT</b>		
156.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:17
157.	Độ nhớt	TCVN 11893:17
158.	Hàm lượng cát	TCVN 11893:17
159.	Tỷ lệ chất keo	TCVN 11893:17
160.	Lượng mất nước	TCVN 11893:17
161.	Độ dày áo của sét	TCVN 11893:17
162.	Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:17

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

**BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD1201**

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Các công việc được giao
1	Nguyễn Chí Công	Kỹ sư	Trưởng phòng thí nghiệm viên – KCS thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận các tiêu chuẩn mới, máy móc và công nghệ mới thuộc lĩnh vực thí nghiệm để tư vấn chuyển giao công nghệ cho phòng thí nghiệm.</li> <li>- Quản lý và KCS các hồ sơ thí nghiệm</li> <li>- Thí nghiệm nền móng công trình: thí nghiệm sức chịu tải của cọc, thí nghiệm nén tĩnh nền, ...</li> <li>- Khảo sát địa kỹ thuật cho các công trình xây dựng</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty</li> </ul>
2	Đỗ Xuân Nguyên	Thạc sỹ địa kỹ thuật	KCS thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận các tiêu chuẩn mới, máy móc và công nghệ mới thuộc lĩnh vực thí nghiệm để tư vấn chuyển giao công nghệ cho phòng thí nghiệm.</li> <li>- Quản lý và KCS các hồ sơ thí nghiệm</li> <li>- Thí nghiệm nền móng công trình: thí nghiệm sức chịu tải của cọc, thí nghiệm nén tĩnh nền, ...</li> <li>- Khảo sát địa kỹ thuật cho các công trình xây dựng</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty</li> </ul>
3	Nguyễn Văn Chuyển	Cao đẳng thủy lợi	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm và kiểm tra các kết quả thí nghiệm trong phòng và hiện trường bê tông, bê tông nhựa và vật liệu xây dựng</li> <li>- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc bê tông cốt thép</li> <li>- Quản lý và giao nhận hồ sơ thí nghiệm.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ theo sự</li> </ul>

				phân công của Trưởng phòng và Công ty.
3	Trần Khắc Phú	Kỹ sư địa kỹ thuật địa chất	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất đá</li> <li>- Thực hiện các thí nghiệm ngoài hiện trường</li> <li>- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, mô vật liệu</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trưởng phòng thí nghiệm</li> </ul>
4	Nguyễn Trung Dũng	Kỹ sư xây dựng	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các phép thử về hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</li> <li>- Thực hiện các phép thử về vữa xi măng</li> <li>- Thực hiện các phép thử cơ lý gạch xây, gạch bloc bê tông</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trưởng phòng thí nghiệm</li> </ul>
6	Nguyễn Quang Trí	Kỹ sư xây dựng	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm kiểm tra thép xây dựng</li> <li>- Thực hiện các phép thử về bê tông nhựa và nhựa bitum</li> <li>- Thử cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trưởng phòng thí nghiệm</li> </ul>
7	Nguyễn Văn Quang	Trung cấp	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các phép thử về hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</li> <li>- Thực hiện các phép thử về vữa xi măng</li> <li>- Thực hiện các phép thử cơ lý gạch xây, gạch bloc bê tông</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trưởng phòng thí nghiệm</li> </ul>
8	Đặng Thị Thúy Hà	Trung cấp	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất đá</li> <li>- Thực hiện các thí nghiệm ngoài</li> </ul>

				<p>hiện trường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, mỏ vật liệu</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trường phòng thí nghiệm</li> </ul>
9	Nghiêm Xuân Sơn	Trung cấp	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất đá</li> <li>- Thực hiện các thí nghiệm ngoài hiện trường</li> <li>- Thí nghiệm điện trở</li> <li>- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc bê tông cốt thép</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trường phòng thí nghiệm</li> </ul>
10	Nguyễn Viết Thắng	Trung cấp	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất đá</li> <li>- Thực hiện các thí nghiệm ngoài hiện trường</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trường phòng thí nghiệm</li> </ul>
11	Lê Văn Sử	Trung cấp	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của đất đá</li> <li>- Thực hiện các thí nghiệm ngoài hiện trường</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của công ty và trường phòng thí nghiệm</li> </ul>

**Trưởng phòng thí nghiệm**



**Ks. Nguyễn Chí Công**

**Giám đốc công ty**



**Nguyễn Quang Anh**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CI.04, Khu đất dịch vụ 1a Dương - 1a Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội



## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101002/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 7C05055  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 50)mm;  
 d = 0,01 mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001  
 Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
 MB.TB2.07 – Bộ căn mẫu song phẳng; U = (0,1 + 2.L) μm,

[L]:m

Kết quả (Results):  
 \* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
 \* Sai số thành phần: ± 12 μm. Độ hồi sai: ± 3 μm. Độ lặp lại: 1 μm  
 \* Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k = 2, mức tin cậy ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH

10-10-2022

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: 942 Quyển số: 112/T/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

Kí GIÁM ĐỐC  
(Director)



Cao Phan Nguyên



PGD. Cao Văn Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101003/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 7528035  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50)mm;  
d = 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001  
Đồng hồ đo biến dạng – Quy trình hiệu chuẩn  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
MB.TB2.07 – Bộ căn mẫu song phẳng; U = (0,1 + 2.L) μm,  
[L]:m  
Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
\*. Sai số thành phần: ± 12 μm. Độ hồi sai: ± 3 μm. Độ lặp lại: 1 μm  
\*. Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k = 2,  
mức tin cậy ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023  
10 - 10 - 2022  
Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
Số chứng thực: 9420 (Date of Issue) SGT/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)



Cao Phan Nguyên

KIỂM ĐỌC  
(Director)



PGD. Cao Văn Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQVJSC.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101004/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 15052  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 10)mm;  
 d = 0,01 mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001  
 Đồng hồ so – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
 MB.TB2.06 – Bộ căn mẫu song phẳng; U = (0,1 + 2.L) μm,  
 [L]:m  
 Kết quả (Results): \* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
 \* Sai số thành phần : ± 8 μm. Độ hồi sai : ± 2 μm.  
 \* Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 4,4.L) μm. L tính bằng m, k = 2,  
 mức tin cậy ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

10-10-2022

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: (Date of issue) SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV:JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101005/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 15020  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10)mm;  
 d = 0,01 mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001  
 Đồng hồ so – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
 MB.TB2.06 – Bộ căn mẫu song phẳng; U = (0,1 + 2.L) μm,

[L]:m

Kết quả (Results):  
 \* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
 \* Sai số thành phần: ± 10 μm. Độ hồi sai: ± 3 μm.  
 \* Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 4,4.L) μm. L tính bằng m, k = 2, mức tin cậy ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

10-10-2022

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: (Date of issue) 01SCT/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

KÊ GIÁM ĐỐC  
(Director)



Cao Phan Nguyên

PGD. Cao Văn Hùng

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CI.04, Khu đất dịch vụ 1a Đường Lê Lợi, phường Đường Lành, Quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101006/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 15041  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 10)mm;  
 d = 0,01 mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75 : 2001  
 Đồng hồ so – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 – Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
 MB.TB2.06 – Bộ căn mẫu song phẳng; U = (0,1 + 2.L) μm,

[L]:m

Kết quả (Results):  
 \* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
 \* Sai số thành phần: ± 10 μm. Độ hồi sai: ± 3 μm.  
 \* Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 4,4.L) μm. L tính bằng m, k = 2,  
 mức tin cậy ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

10-10-2022

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: 942 (Date of issue) 01SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)



**Cao Phan Nguyên**



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận 13, Hà Nội, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101007/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy đo điện trở đất  
 Kiểu (Type): 4105A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): E8074445  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):  
 Thang đo: (0 ÷ 20)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 0.1dgt)  
 Thang đo: (0 ÷ 200)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 3dgt)  
 Thang đo: (0 ÷ 2000)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 3dgt)

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 143:2012

Kết quả (Results): Máy đạt yêu cầu kỹ thuật

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10/10/2023

**CHỨNG TỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực: 94 (Date of issue) Quyền số: 81 SGT/BS  
**KIỂM ĐỊNH VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC**  
**KIỂM ĐỊNH VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC**

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

Cao Phan Nguyên

(Director)

PGD. Cao Văn Hùng

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQVJSC.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101008/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy

Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2S0273

Nơi sản xuất (Manufacturer): Ý

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (10 ÷ 100)R, giá trị độ chia: 2R

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 33.19

Búa thử cường độ – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đe hiệu chuẩn CN670

Trị số bật nảy: 79 ± 2 mm

Kết quả (Results):

Đe hiệu chuẩn	Giá trị chỉ thị trên thiết bị									
Lần thử	R1	R2	R3	R4	R5	R6	R7	R8	R9	R10
Kết quả	78	78	79	78	79	77	79	78	78	78

Độ không đảm bảo:  $U = 1,34 R$

Nhiệt độ:  $26 \text{ }^\circ\text{C} \pm 2 \text{ }^\circ\text{C}$ ; Độ ẩm tương đối: 65% RH

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

$R_{av} = 78,2$

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

10 - 10 - 2023

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: 942 Quyền số: SC1/BS

(Date of issue) 01

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

  
SGD: 1729 - VPCC  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
HÀ NAM  
PHỤ LÝ: T. HÀ NAM

**Cao Phan Nguyên**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

  
M.S.D N0108404455 C.T.C.T  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ  
HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC  
QUẬN ĐÔNG - 1 PHƯỜNG DƯƠNG NỘI

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dường - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **22F 101009/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử  
 Kiểu (Type): GS-ALC-15 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 8012510107  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max} = 15\text{kg}$   
 Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d = 0.5\text{g}$   
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 01.19  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 – Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	1000.0	1000.0	0.0
3	3000.0	3000.0	0.0
4	5000.0	5000.0	0.0
5	10000.0	9999.0	1.0
6	15000.0	14999.0	1.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 – 10 – 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực: 1010/2022  
 Quyền số: SC17B3  
 (Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

Cao Phan Nguyên

**KT GIÁM ĐỐC**  
(Director)

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**PGD. Cao Văn Hùng**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQVJSC.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101010/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử  
 Kiểu (Type): GS-HAW15 Số (Serial No)/ Mã QL(Tag No): 2031901980  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max} = 15\text{kg}$   
 Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d = 0.5\text{g}$   
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 01.19  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 – Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	1000.0	1000.0	0.0
3	3000.0	3000.0	0.0
4	5000.0	5000.0	0.0
5	10000.0	9999.5	0.5
6	15000.0	14999.0	1.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2023  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 (Date of issue)  
 Số chứng thực: 942 Quyển số: 0 SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

*Ami*

**Cao Phan Nguyên**

**KT GIÁM ĐỐC**

(Director)

*Hùng*

**CÔNG CHỨNG VIÊN GD. Cao Văn Hùng  
 NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CT 04, Khu đất dịch vụ La Dượng - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): 22F 101011/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử  
Kiểu (Type): RC21P6 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 8337120559  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mỹ  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max} = 6000g$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d = 0.1g$   
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M - 01.19  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục  
Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	1000.0	1000.0	0.0
3	2000.0	2000.0	0.0
4	3000.0	2999.9	0.1
5	6000.0	5999.8	0.2

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2) ^\circ C$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

10 - 10 - 2023

10-10-2022  
Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

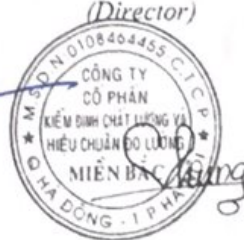
Số chứng thực (Date of issue): 10/10/2022  
Quyển số: 03CT/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)



Cao Phan Nguyên

KT GIÁM ĐỐC  
(Director)



CÔNG CHỨNG VIÊN  
PGD. Cao Văn Hùng  
NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV\_JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): 22F 101012/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử hiển thị số  
 Kiểu (Type): GS0232N Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): D17013202  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max} = 3200g$   
 Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d = 0.01g$   
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M - 01.19  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.00	0.00	0.00
2	200.00	200.00	0.00
3	700.00	700.00	0.00
4	1500.00	1500.00	0.00
5	2000.00	2000.00	0.00
6	3000.00	3000.01	-0.01

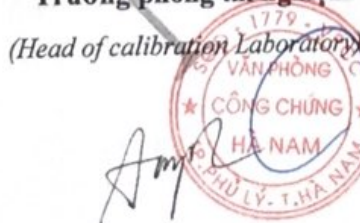
Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2) ^\circ C$   
 Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH  
 10 - 10 - 2023

10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực (Date of issue) quyền số: SCT/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
 (Head of calibration Laboratory)



Cao Phan Nguyên

GIÁM ĐỐC  
 (Director)



PGD. Cao Văn Hùng  
 CÔNG CHỨNG VIÊN  
 NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
 (No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV-BS)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dượng - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101013/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Bể ổn nhiệt  
 Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 160352  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 100) °C  
 Độ phân giải 1 °C  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MBM.TB2.08 – Đầu đo nhiệt độ chuẩn  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,15 °C, được liên kết  
 chuẩn  
 với Cục Tiêu Chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	5.0	10.0	30.0	50.0	80.0	100
Giá trị hiển thị (°C)	5.0	10.0	30.0	49.0	79.5	98
Số hiệu chỉnh (°C)	0	0	0	1	0.5	2

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): (24 ± 2) °C, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

10-10-2022

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: (Date of issue) SCT/BS  
94201

GIÁM ĐỐC

(Director)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Cao Phan Nguyên



PGD. Cao Văn Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101014/MB.CN**

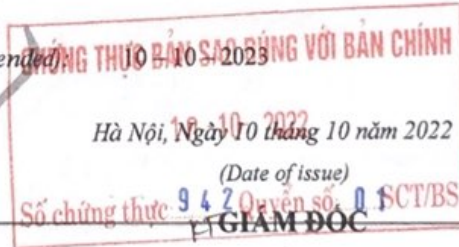
Tên phương tiện đo (Object): TB Bốc cháy nhựa đường  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): M.677.16  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo AASHTO T49, ASTM D5  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 25.19  
TB bốc cháy nhựa – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 – Đầu đo nhiệt độ chuẩn  
Đồng hồ bấm giây, thước cặp

Kết quả (Results): Nhiệt độ bốc cháy đạt: 95 °C  
Thời gian bắt lửa: 5 giây

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommendation): 10/10/2023



Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)



Cao Phan Nguyên

(Director)



PGD. Cao Văn Hùng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH

Trang: 1/1  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQI-VN.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ 1a Dương - 1a Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101001/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền kéo nén  
 Kiểu (Type): WE - 1000 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 1555  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 200) kN; d = 0.5 kN  
 (0 ÷ 500) kN; d = 1 kN  
 (0 ÷ 1000) kN; d = 2 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002  
 Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực 942 Quyền số 013CT/RS (Date of issue)

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**GIÁM ĐỐC**  
(Director)

VẤN PHÒNG  
 CÔNG CHỨNG  
 HÀ NAM  
 Cao Phan Nguyên

CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ  
 HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
 MIỀN BẮC  
 PGD. Cao Văn Hùng

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV-JSC.)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kiểm thử ghi chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101001/MB.CN

Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)	Chỉ thị trên máy (kN)	Lực đo được (kN)
<b>Thang đo (0 ÷ 1000 kN d = 2 kN</b>		<b>Thang đo (0 ÷ 500 kN d = 1 kN</b>	
0	0.00	0	0.00
200	199.40	100	99.00
400	398.41	200	198.15
600	576.30	300	298.78
800	795.00	400	398.63
900	894.00	500	443.12
<b>Thang đo (0 ÷ 200 kN d = 0,5 kN</b>			
0	0.00		
40	40.0		
80	80.0		
120	119.86		
160	160.60		
180	181.20		

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:

$U = 1,0 \%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(Next pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc

This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of MB.Ltd.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Đường - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): **22F 101015/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị hoá mềm nhựa  
 Kiểu (Type): DF - 12 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 151167A  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M - 07.19  
 Thiết bị hoá mềm nhựa - Phương pháp đo  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 - Đầu đo lực, panme  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):  
 \* Nhiệt độ đo tại:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$   
 \* Sai số nhiệt độ: 2%  
 \* Hai viên bi có đường kính:  $D = 9.5 \pm 0.05\text{mm}$   
 \* Trọng lượng viên bi:  $M = 3.5 \pm 0.05\text{g}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực: (Date of issue) 01 SGT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Cao Phan Nguyên**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/1  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **22F 101016/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): **Cung lực 30kN**  
 Kiểu (Type): **N/A** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **DIKA 1B5AS**  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: **(0 ÷ 30) kN**  
 Đồng hồ so **(0-1)-mm**  
 Giá trị vạch chia: **0.01mm/vạch**  
 Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH QUANG ANH**  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): **MB.TB1.02 – Đầu đo lực**  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **10-10-2023**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Hà Nội, Ngày **10-10-2022** 10 tháng 10 năm 2022  
 (Date of issue)  
 Số chứng thực: **0** Quyền số: **0** SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

**Cao Phan Nguyên**

(Director)

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kiểm thử và Chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101016/MB.CN

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị (x 0,01 mm)
1	0.00	1.00
2	2.00	1.17
3	4.00	1.34
4	6.00	1.51
5	8.00	1.68
6	10.00	1.87
7	12.00	2.04
8	14.00	2.22
9	16.00	2.40
10	18.00	2.57
11	20.00	2.74

### Phương trình hiệu chuẩn:

\*.  $F(x) = 11.421x - 11.327$

Với  $f(x)$  là lực nén ;  $x$  : Số vạch (=0.01mm) chỉ trên đồng hồ

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:

$U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(1 of 2 pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of S&B-285.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CI.04, Khu đất dịch vụ La Dương - 1a Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№): **22F 101017/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy nén Marshall  
 Kiểu (Type): MC25 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N05785  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 30) kN  
 Giá trị vạch chia: 0.01mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10-10-2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực: 9 (Date of issue) Quyền số: 01 SCTR/BS

Trưởng phòng thí nghiệm  
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC  
(Director)



Cao Phan Nguyên

PGD. Cao Văn Hùng

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo này Chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): 22F 101017/MB.CN

STT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị (x 0,01mm)
1	0.00	0
2	24.1	3
3	48.2	6
4	72.0	9
5	95.7	12
6	119.2	15
7	142.8	18
8	166.4	21
9	190.0	24
10	213.6	27

$$F(x) = 0.000007x^2 + 0.125x$$

F(x) Lực nén

X là số chỉ trên đồng hồ

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,7 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,7 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc

(This certificate shall not be reproduced if it consists of multiple pages without written approval of the Company)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): **22F 101018/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo giãn dài nhựa đường  
Kiểu (Type): T161.01 Số (Serial №) / Mã QL (Tag №): 151217  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7496:2005  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M - 07.19  
Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường - Phương pháp đo  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 - Thước  
Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )  
được liên kết chuẩn với VMI  
Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10/10/2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

(Date of issue)

Số chứng thư 942, Quyền số 01 SCT.22  
**KT GIÁM ĐỐC**

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

*Am*

**Cao Phan Nguyên**

(Director)

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV. JSC.)



# KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Testing Results)

Kết quả thử nghiệm chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): 22F 101018/MB.CN

Khoảng cách giữa Max: 1500 mm

Tốc độ: 49 mm/phút

Kích thước khuôn:

- Chiều dày: 10 mm
- Khoảng cách giữa hai chốt lắp khuôn 112.7 mm
- Khoảng cách giữa hai đỉnh trong 75.6 mm
- Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn 10 mm

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dường - La Nội, phường Dương Liễu, huyện Mỹ Đình,  
thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

(Calibration Certificate)

Số (№): **22F 101019/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén CBR/Marshall  
Cung lực 50KN

Kiểu (Type): MC05 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N102

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 30) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 – Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,24% (k = 2; P ≈ 95%)

được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10-10-2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
10-10-2022  
Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
(Date of issue)  
Số chứng thực: 2 Quyển số: 01 SCT/23

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

*[Signature]*  
SGD: 177-VPC  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
HÀ NAM  
TP. PHÚ LÝ, T. HÀ NAM

**Cao Phan Nguyên**

(Director)

M.C.D.N 0108404455 C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ  
HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC  
C. HÀ ĐÔNG - T. PH. HÀ NỘI

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV., JSC.)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kính gửi Quý Khách hàng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101019/MB.CN

STT	Lực đo được (kN)	Chỉ số trên đồng hồ (x 0,01mm)
1	0	100.0
2	3	132.0
3	5	152.0
4	10	202.2
5	15	253.0
6	20	305.0
7	25	357.7
8	30	408.0

• Phương trình hiệu chuẩn:  $y = 0.0975x - 9.7757$

- Với y là lực đo được (kN)

x là chỉ thị trên đồng hồ (mm)

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1.0\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1.0\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

CÔNG CHỨNG VIỆC  
NGUYỄN THỊ THANH

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced or copied in full, without written approval of INDC/MB.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Đường - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

Số (№): **22F 101020/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy chiết nhựa ly tâm  
 Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): M.2592.16  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tốc độ quay  
 1600 – 2200 – 2600 – 2800 vòng/phút  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-24.19  
 Máy chiết nhựa – Phương pháp đo  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10-10-2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực (Date of issue): 03CT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

**KIỂM GIÁM ĐỌC**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV JSC)



# KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Testing Results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): 22F 101020/MB.CN

STT	Đặc trưng kỹ thuật	Giá trị đo được
01	Tốc độ quay 1600 vòng/ph	(1590 ÷ 1620 vòng/phút)
02	Tốc độ quay 2200 vòng/ph	(2200 ÷ 2210 vòng/phút)
03	Tốc độ quay 2800 vòng/ph	(2590 ÷ 2650 vòng/phút)
04	Tốc độ quay	(2750 ÷ 2850 vòng/phút)
05	Đường kính nổi	(310 ÷ 311)mm
06	Chiều cao nổi	(109 ÷ 110)mm



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dường - 1, La Nội, phường Dương Nội, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**

(Measurement & Testing Certificate)

Số (Số): **22F 101021/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường  
 Kiểu (Type): DF - 6 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 151107B  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Theo AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M- 05.19

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 – Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10-10-2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 (Date of issue)  
 Số chứng thực: 94 Quyền số: SCT/BS 01  
 KIỂM ĐỐC

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**Cao Phan Nguyên**

(Director)

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV JSC)



# KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Testing Results)

Kính gửi Quý Khách hàng: Chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101021/MB.CN

STT	Lực đo		Giá trị chỉ thị (x0,001mm)
	kN	kgf	
1	0	0.0	0.0
2	0.2	20.4	38.5
3	0.4	40.8	76.1
4	0.6	61.2	115.2
5	0.8	81.6	155.5
6	1.0	102.2	195.8
7	1.1	112.2	215.0

### Phương trình hiệu chuẩn:

$$* . F(x) = ax^2 + bx \quad (a = -8.8921E - 05; b = 6,3136E - 04)$$

$$x = a'F^2 + b'F \quad (5.3982E - 01; b = 1.8503E +00)$$

F là tải đo được (Kgf) và x là giá trị chỉ thị trên thiết bị

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 0.8\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 0.8\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101022/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén tam liên  
 Kiểu (Type): WG-1C Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 108  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: Cung lực (0 + 4800) N  
 Tỷ lệ chuyển lực: 1/12. Tiết diện dao vòng:  
 30cm<sup>2</sup> và 50 cm<sup>2</sup>  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)  
 Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

**CHỖ ĐÓNG BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 (Date of issue)  
 Số chứng thư 867 Quyển số 01 SCT/BS  
 KIỂM ĐỌC

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
(Head of calibration Laboratory)

SỔ Đ: 1779 - VPCC  
 VĂN PHÒNG  
 CÔNG CHỨNG  
 HÀ NAM  
 T. PHỦ LÝ - T. HÀ NAM

**Cao Phan Nguyên**

(Director)

MSDN 0108404455 C.T.C.P.  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ  
 HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
 MIỀN BẮC  
 Q. HÀ ĐÔNG - T. PH. HÀ ĐÔNG

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
 NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kính gửi Quý Khách hàng chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101022/MB.CN

Cấp tải (Kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn, N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng: 30 cm <sup>2</sup>				
0	0	0	0	0
12.5	37.5	37.78	37.81	37.84
25	75.1	75.21	75.30	75.36
50	150	150.38	152.60	154.00
100	300.1	302.02	302.85	305.12
200	600.2	605.28	610.23	613.31
300	900.3	904.07	904.60	913.17
400	1200.3	1209.98	1213.11	1217.41
800	2400.7	2400.99	2424.19	2430.57
1600	4801.3	4844.28	4876.85	4906.45
Tiết diện dao vòng: 50 cm <sup>2</sup>				
0	0	0	0	0
12.5	62.5	62.84	63.34	63.49
25	125	126.07	126.07	127.08
50	250	251.18	251.28	251.48
100	500	502.99	503.36	504.80
200	1000	1000.43	1003.55	1010.36
400	2000	2007.57	2027.29	2044.36
800	4000	4029.73	4067.03	4103.76

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ : (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: U = 0.8%, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: U = 0.8%, k = 2, P ≈ 95%).

CÔNG CHỨNG VIỆN  
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ 1a Đường - 1a Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101023/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy cắt phẳng  
 Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): N160 -9  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: 120 Kgf  $\approx$  1.18 N  
 Đồng hồ so giá trị độ chia:  $d = 0,01$  mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**

10 - 10 - 2023

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực: 01/CT/BS  
 Quyền số: 01/CT/BS  
**GIÁM ĐỐC**

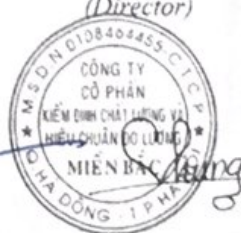
**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC.)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): 22F 101023/MB.CN

STT	Lực đo		Giá trị chỉ thị (x0,001 mm)
	kN	kgf	
1	0	0.0	0.0
2	0.2	20.4	38.5
3	0.4	40.8	76.1
4	0.6	61.2	115.2
5	0.8	81.6	155.5
6	1.0	102.2	195.8
7	1.1	112.2	215

**Phương trình hiệu chuẩn:**

\*.  $F(x) = ax^2 + bx$  (  $a = -8.8921E - 05$ ;  $b = 6,3136E - 04$  )

$x = a'F^2 + b'F$  (  $5.3982E - 01$ ;  $b = 1.8503E +00$  )

F là tải đo được (Kgf) và x là giá trị chỉ thị trên thiết bị

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ C$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 0.8\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ C$ . The measurement uncertainty is:  $U = 0.8\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

CÔNG CHỨNG VIỆC  
NGUYỄN DUY THANH



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101024/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Kịch thủy lực  
Kiểu (Type): Kịch nén 500KN Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 1006151  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 50) Tấn  
Loại bơm: Bơm tay liền  
Đồng hồ áp: 0 – 700 KG/cm<sup>2</sup>  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 – Đầu đo lực  
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
được liên kết chuẩn với VMI  
Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)  
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10 - 10 - 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

(Date of issue)  
Số chứng thực: Quyền số: 01CT/BS  
**KT GIAM ĐỐC**

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC.)



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kiểm thử và Hiệu chuẩn nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101024/MB.CN

STT	Giá trị chỉ thị (kN)	Số đọc đồng hồ áp (KG/cm <sup>2</sup> )
1	0	0
2	50	61.2
3	100	122.4
4	150	183.7
5	200	244.9
6	250	306.1
7	300	367.3
8	350	428.5
9	400	489.8
10	450	551.0

• Phương trình hiệu chuẩn:  $y = -1E-07x^2 + 0.8168x$

Trong đó: y: là lực đo được (kN)

x: là chỉ thị trên đồng hồ áp (kg/cm<sup>2</sup>)

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - 1 a Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101025/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ đo áp suất  
 Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2XZ-1  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 25)$  kg/cm<sup>2</sup>

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 76 : 2001  
 Áp kế – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.05 – Dụng cụ chuẩn kiểu áp suất hiện số  
 Phạm vi đo:  $(0 \div 700)$  bar  
 Độ chính xác:  $\pm 0.05\%FS$ , độ phân giải chỉ thị 0.01 bar,  
 được liên kết chuẩn với Tổng cục TCĐLCL

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 10-10-2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

(Date of issue)

Số chứng thực 942 Quyền số: 01SCT/BS  
 KT **GIAM ĐỐC**

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
 (Head of calibration Laboratory)

(Director)



**Cao Phan Nguyên**

**PGD. Cao Văn Hùng**  
**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
 (No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQH\_JSC)



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101025/MB.CN

STT	Giá trị chỉ thị (kg/cm <sup>2</sup> )	Số đọc đồng hồ áp (kg/cm <sup>2</sup> )
1	0.0	0.0
2	5.0	5.0
3	10.0	10.0
4	15.0	15.0
5	20.0	20.1
6	25.0	25.2

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1.0\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1.0\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQD - ĐL.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101026/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Kịch thủy lực  
 Kiểu (Type): HHYG 100150 Số (Serial No)/ Mã QL(Tag No): T12015160312  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Lực max 100 tấn (1000kN)  
 Hành trình 150mm, đồng hồ áp 0-60Mpa  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
 được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
10 - 10 - 2023

10-10-2022  
Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Số chứng thực (Date of issue) liên số: 01 SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

**GIÁM ĐỐC**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQVJSC)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kiểm thử và Hiệu chuẩn nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101026/MB.CN

Áp lực (Mpa) / lực (kN)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
0	-	15	31	46	62	77	92	108	123	138
10	154	169	185	200	215	231	246	261	277	292
20	308	323	338	354	369	385	400	415	431	446
30	461	477	492	508	523	538	554	569	584	600
40	615	631	646	661	677	692	707	723	738	754
50	769	784	800	815	831	846	861	877	892	907
60	924									

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U=1,0\%$ ,  $k=2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0\%$ ,  $k=2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of N.B.C.V.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Liễu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101027/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén  
 Kiểu (Type): TYE - 2000 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 022  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 800) kN; d = 2.5 kN  
 (0 + 2000) kN; d = 5 kN  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002  
 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 Được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration, on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10 - 10 - 2023  
 10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 Số chứng thực (Date of Issue) quyền số: 0 SCT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)

**KT GIÁM ĐỐC**

(Director)



**Cao Phan Nguyên**

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full without written approval of NQV, JSC)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kính gửi Quý Công ty chúng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): 22F 101027/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (kN)	Lực đo được (kN)
<b>Thang đo (0 ÷ 800kN)</b>		
1	0.0	0.0
2	100.0	100.0
3	150.0	150.0
4	250.0	251.2
5	400.0	401.8
6	500.0	502.0
7	600.0	601.6
8	700.0	701.8
<b>Thang đo (0 ÷ 2000kN)</b>		
1	0.0	0.0
2	300.0	300.0
3	500.0	501.0
4	800.0	802.0
5	1000.0	1003.1
6	1200.0	1203.4
7	1500.0	1502.6
8	1800.0	1802.8

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0 \%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ  
HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG

Trang: 2/2  
(Next page)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of M.C.N.)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô C1.04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

(Calibration Certificate)

Số (№): **22F 101028/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Kích thủy lực 20 tấn  
 Kiểu (Type): QIY32 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 1830117  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 200) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10 - 10 - 2023

10-10-2022  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2023

Số chứng thực (Date of issue): 34 / Nguyên số: 03CT/BS

**Trưởng phòng thí nghiệm**  
 (Head of calibration Laboratory)

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**  
 (Director)

*[Signature]*



**Cao Phan Nguyên**

**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN DUY THANH**

Trang: 1/2  
 (No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.JSC)





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Liễu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

(Calibration Certificate)

Số (Số): **22F 101029/MB.CN**

Tên phương tiện đo (Object): Kích thủy lực  
 Kiểu (Type): QT500T Số (Serial No)/ Mã QL(Tag No): 100501  
 Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
 Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Lực max 500 tấn (5000kN)  
 Tiết diện S=754.38 cm<sup>2</sup>; Hành trình 200mm, đồng hồ áp 0-60Mpa  
 Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH QUANG ANH  
 Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 – Đầu đo lực  
 Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)  
 được liên kết chuẩn với VMI  
 Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
 (See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

**CHÍNH THỨC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 10-10-2023  
 Hà Nội, Ngày 10 tháng 10 năm 2022  
 (Date of issue)  
 Số chứng thực: 34 Quyền số: 03CT/BS  
**KT GIÁM ĐỐC**

**Trưởng phòng thí nghiệm**

(Head of calibration Laboratory)



**Cao Phan Nguyên**

(Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**

**CÔNG CHỨNG VIỆN  
NGUYỄN DUY THÀNH**

Trang: 1/2  
(No. of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
 Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền Bắc  
 (This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV., JSC.)



# KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kiểm thử và hiệu chuẩn nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): 22F 101029/MB.CN

Áp lực (Mpa) / lực (kN)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
0	0.0	7.1	15.1	23.1	31.2	39.2	47.3	55.3	63.3	71.4
10	79.4	87.5	95.5	103.5	111.6	119.6	127.7	135.7	143.8	151.8
20	159.8	167.9	175.9	184.0	192.0	200.0	208.1	216.1	224.2	232.2
30	240.2	248.3	256.3	264.4	272.4	280.4	288.5	296.5	304.6	312.6
40	320.6	328.7	336.7	344.8	352.8	360.9	368.9	376.9	385.0	393.0
50	401.1	409.1	417.1	425.2	433.2	441.3	449.3	457.3	465.4	473.4
60	481.5									

• Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ :  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$  với độ không đảm bảo đo:  $U = 1,0\%$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$ .

(The equipment has been calibrated at the temperature of  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ . The measurement uncertainty is:  $U = 1,0\%$ ,  $k = 2$ ,  $P \approx 95\%$ ).

Trang: 2/2  
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of MB.CN.)

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

BẢN SAO  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

BẰNG KỸ SƯ

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ HƯƠNG  
CHỖ THỰC BẢN SAO ĐÚNG NỘI SẴN CHIẾU  
Ngày 14-06-2022  
Số CT 2.2.1... Q số 01SCT/BS

Upon: (Mr, Ms) Mr NGUYEN CHI CONG

Born on: September 15th, 1988

Major in: Civil and Industrial

Ranking: Credit

Mode of study: Part-time

Cho: NGUYỄN CHÍ CÔNG

Giới tính: Nam

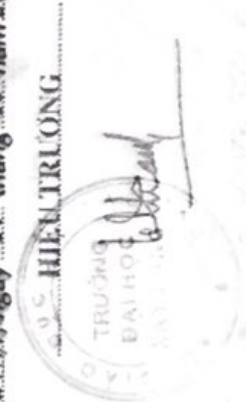
Ngày, tháng, năm sinh: 15/09/1988

Ngành đào tạo: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011.



CÔNG CHỨNG VIÊN  
**Lê Thị Hương**

Số hiệu: 1026883

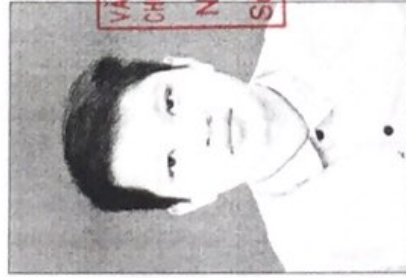
Số vào sổ cấp bằng: 10462

Serial number:

Reference number: 10462

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT

\*\*\*\*\*



VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ HƯƠNG  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày 14-06-2022  
Số CT. 1221Q số 01SCT/BS

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

## CHỨNG CHỈ

HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO HỆ THỐNG QUẢN LÝ  
NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ HIỆU CHUẨN  
ISO/IEC 17025:2017

Cấp cho Ông Nguyễn Chí Công  
Sinh ngày: 15/09/1988  
Quê quán: Hà Nam

Đã hoàn thành khóa đào tạo Hệ thống Quản lý năng lực  
phòng thí nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

Từ ngày 17/06/2020 đến ngày 01/07/2020



CÔNG CHỨNG VIÊN  
**Lê Thị Hương**

Số: 23/QĐ-SCT





**BẢN SAO**

**VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ESC VIỆT NAM**  
Management Training Institute ESC Viet Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### CHỨNG NHẬN

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ**  
**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

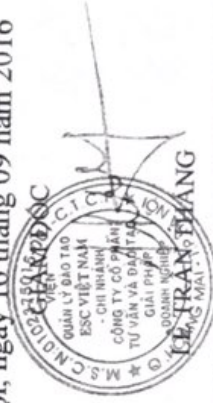
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG Cấp cho Ông/Bà : NGUYỄN CHÍ CÔNG  
Số CT 1.2.2.1. Q số 14-06-2016  
Ngày 14-06-2016



Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ  
Kiểm định chất lượng công trình xây dựng  
Tổ chức từ ngày 12/09/2016 đến ngày 15/09/2016  
Kết quả tốt nghiệp đạt loại: Giỏi

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

Số: 9005/2016/KDCL



**Lê Thị Hương**

**Lê Thị Hương**

**BẢN SAO**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

**BẰNG NGHỀ**

Số hiệu: **001034992**

Số hiệu:

/LĐTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào số số: ..... **20245** .....  
Ngày: ... **04** tháng ... **5** năm ..... **2009**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HIỆU TRƯỞNG**

Trưởng: **CAO ĐĂNG NGHỆ**  
..... **GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I** .....

Cấp cho: **NGUYỄN CHÍ CÔNG**  
..... **15/09/1988** .....

..... **Duy Tiên - Hà Nam** .....

..... **Thị trấn Nghiêm với liên đường bộ** .....

..... **3/7** .....

..... **Khá** .....

..... **10/ĐT** .....

..... **5** năm .. **2009** .....

..... **4** tháng .. **5** năm .. **2009** .....

..... **4** tháng .. **5** năm .. **2009** .....

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỬU (Ngày**  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG Y CỐN NGUYÊN QUAN**  
**Ngày 14-06-2024**  
**Số CT.1.2.2.1.G số 01/SCT/HBS**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Lê Thị Hương**

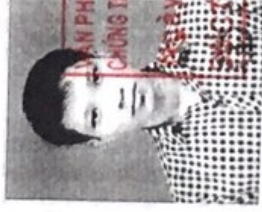
**BẢN SAO**

MINISTRY OF CONSTRUCTION  
CONSTRUCTION TECHNICAL COLLEGE N.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---000---

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1**  
*Nguyễn Chí Công*



Chứng nhận ông (bà): *Nguyễn Chí Công*  
Sinh ngày : 15/09/1988  
Quốc tịch : Hà Nam  
Đơn vị : C.ty TNHH tư vấn ĐTXD Trường Khánh  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Án môn bê tông & bê tông cốt thép**  
(Thuộc Đề án 1511 "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

It is hereby certified that:

Mr/Ms NGUYEN CHI CONG

Has successfully passed the training course on:

**Corrosive testing of concrete and reinforced concrete**

Thời gian: Từ ngày 02/11/2015 đến ngày 06/11/2015  
Tại: Hà Nội

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2015

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1



**Phạm Quốc Hoàn**



Ref.N°: ...60../2015/CĐXD1-TNKB

CÔNG CHỨNG VIÊN

**Lê Hương**

**BẢN SAO**

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH TUYẾN QUANG**



Chức vụ của người được cấp chứng chỉ

*Nguyễn Quốc Vinh*

- Cấp cho Ông: **ĐỖ XUÂN NGUYỄN**
- Ngày tháng năm sinh: 10/06/1981
- Địa chỉ thường trú: Yên Chính, Yên Yên, Nam Định
- Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:
- 1. Khảo sát địa chất công trình xây dựng./.

**Thông tin của người được cấp chứng chỉ :**

- Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 162347380
- cấp ngày 20/05/1998 tại CA-Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Mỏ Địa chất - Địa chất công trình - ĐKT

Số chứng chỉ

**KS-027-05874**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ HƯƠNG  
 CÔNG TRÌNH ĐÓNG VỚI BAN CHINH  
 Ngày 3-2013  
 Số chứng thực: 511... Quyển số 01SCT/BS

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày:  
30/11/2020

Tuyến Quang, ngày 30/11/2015

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Vinh



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Lê Thị Hương**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF  
THUYLOI UNIVERSITY

confers

**THE DEGREE OF MASTER  
IN GEOTECHNICAL ENGINEERING**

Upon: (Mr. Ms)

Born on:

*Do Xuan Nguyen*

June 10, 1981

Given under the seal of  
ThuyLoi University  
on December 29, 2015

Serial number: **A139087**  
Reference number: 4/1/2016



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUY LỢI

cấp

**BẰNG THẠC SĨ  
ĐỊA KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

*Đỗ Xuân Nguyên*

10/06/1981

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS. Nguyễn Quang Kim

Số hiệu: **A 139087**  
Số vào sổ cấp bằng: 4/1/2016



Chữ: **CHỨNG THỰC**  
Sinh ngày: **17/11-2017**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: **62...Quyển số: SCT/BS**

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

**Hồ Ngọc Tuyên**

BẢN SAO

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:  
Mr. Do Xuan Nguyen  
Has successfully passed Training Course on  
Field test for checking the integrity and bearing capacity of  
the Piles  
In March 2017

Ngày 23-03-2017  
Số chứng thực: SAH. Chuyên số 01 SCTIDS

Ref. N° 03.03/2017/TNVL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

VIỆN TRƯỞNG

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**

CHỨNG NHẬN

Ông: Đỗ Xuân Nguyễn  
Ngày sinh: 10 - 06 - 1981  
Thường trú: Yên Chính, Yên Yên, Nam Định

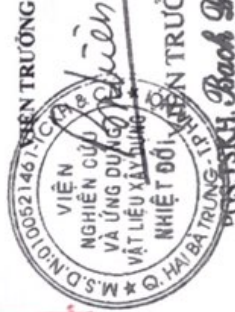
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
**Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 2 năm 2017

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Lê Thị Hương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

BACBO WATER RESOURCES COLLEGE

has conferred

THE DEGREE OF ASSOCIATE

Construction Engineering Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỦY LỢI BẮC BỘ

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Công nghệ kỹ thuật xây dựng

Upon: Mr. NGUYEN VAN CHUYEN

Date of birth: 30 April 1992

Degree classification: Good

Mode of study: Full - time

Hanam, 25 July 2013

NGUYỄN VĂN CHUYỀN

Giới tính: Nam

30/4/1992

Khá

Chính quy

Hà Nam, ngày 25 tháng 7 năm 2013

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ HƯƠNG  
CHỖ THỰC BAN SAO ĐẲNG VIỆT NAM CHÍNH  
Ngày 11-05-2028 này sinh  
Số CT 1-0-0-0607SC17BS  
Xếp loại tốt nghiệp:

Hình thức đào tạo:



HIỆU TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Thị Hương

Số hiệu: B 30219

Số vào sổ cấp bằng: 1008

Reg. No: 1008





**BẢN SAO**

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ ĐÌNH**  
**CHUNG THỰC BẢN SAO BỮNG VỚI BÊN**  
Ngày 11-05-2022  
Số CT. 1. 6. 8. 0. 501 S C T B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**

**VIỆN TRƯỞNG**

**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÊ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**  
**TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**CHỨNG NHẬN**

**NGUYỄN VĂN CHUYÊN**

30 - 04 - 1992

Nam Định

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thí nghiệm kiểm tra toàn vẹn của cọc bê tông cốt thép

Bộ môn Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -

Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 22/12/2015 đến 29/12/2015

Kết quả học tập: Khá



Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**VIỆN TRƯỞNG**

*(Handwritten signature)*

**VIỆN TRƯỞNG**

*(Handwritten signature: Lê Thị Hương)*

CÔNG CHUNG VIÊN

**Lê Thị Hương**

Số hiệu chứng chỉ: 201505049/VKHCN

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

HIỆU TRƯỞNG

THE RECTOR OF

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

cấp

has conferred

**BẰNG KỸ SƯ**

**THE DEGREE OF ENGINEER**

Kỹ thuật Cơ khí

Mechanical Engineering

Upon: *Ông* NGUYEN QUANG TRI Cho: *Ông* NGUYEN QUANG TRI

Date of birth: 13 April 1992 Ngày sinh: 13 / 4 / 1992

Year of graduation: 2016 Năm tốt nghiệp: 2016

Degree classification: Ordinary Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Mode of study: Full - time Hình thức đào tạo: Chính quy

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày 27 -10- 2016  
Số chứng thực... 732... Quyển số 01. SCT/BS

Hanoi, 11 March 2016 Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016



*Bùi Ngọc Diệp*  
CHỦ TỊCH  
Bùi Ngọc Diệp



Số hiệu: 354171 PGS.TS Phạm Duy Hòa

Số vào sổ cấp bằng: 2016/CQ/1056

Reg. No: 2016/CQ/1056

**BẢN SAO**

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR  
INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp và

Số hiệu chứng chỉ  
162.1000/VKHCN

Số vào sổ: 162.1000/17-10-2016  
Ngày 10 tháng 02 năm 2016

Số chứng thực...643...Quyển số 01SCT/BS



CHU TỊCH  
Bùi Ngọc Diệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : NGUYỄN QUANG TRÍ  
Ngày sinh : 13 - 04 - 1992  
Quê quán : Hà Nam  
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:  
Phương pháp xác định tính chất cơ lý của

Bê tông nhựa và Vật liệu xây dựng  
Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 01/02/2016 đến 08/02/2016

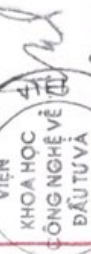
Kết quả học tập: Đạt loại Khá

**CHUNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Từ ngày 10 tháng 02 năm 2016

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

VIỆN TRƯỞNG



CHUNG CHỈ TỐT NGHIỆP

GS.TSKH. Phùng Văn Lễ



**BẢN SAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**cấp**



VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ HƯƠNG  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày 09 -04- 2019  
Số CT... 660... Q số 01 SCT/BS

**CHỨNG CHỈ**  
**SƠ CẤP NGHỀ**

Cho: Đỗ Hồng Việt

Ngày sinh: 03/03/1983 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Nam Định

Nghề đào tạo: Khoan địa chất

Khóa học từ tháng 01 / 2018 đến tháng 06 / 2018

Tốt nghiệp loại: Khá



Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2018

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**Lê Thị Hương**



Số hiệu chứng chỉ: 25185

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 5519

Ngày 24 tháng 06 năm 2018

**Lê Nghị**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG CHỈ  
THÍ NGHIỆM VIÊN**



(Chữ ký của người được cấp)



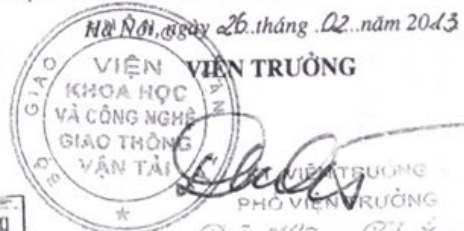
Số: 11.76 /VKHCN-TNV  
(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

**CHỨNG CHỈ**

Cho ông / bà: Trần Khắc Phú  
Sinh ngày: 14/12/1988...Quê quán: Nam Định  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật địa chất  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo Thí nghiệm viên ngắn hạn  
Chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông.  
Khoa: 76...Từ ngày: 21 tháng 01 năm 2013...đến  
ngày 01 tháng 02 năm 2013  
Kết quả xếp loại: Khá



VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đã Hoàn Thành

CHỨNG THỰC BẢO ĐẢM VỚI BẢN CHÍNH

Số: 6598 Quyển số: 01  
Ngày: 3.0 - 09 - 2013

UBND PHƯỜNG BÃI CHÁY  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Le Thi Hien

HANOI UNIVERSITY  
OF MINING AND GEOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Chứng nhận: **Trần Khắc Phú**

Ngày sinh: **14/12/1988**

Quê quán: **Nam Định**

Địa chỉ: **Thị trấn Gôi - Vụ Bản - Nam Định**

It is hereby certified that: **CHỨNG THỰC**  
**TRẦN KHẮC PHÚ ĐÃ ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Mr/Mrs. **Tran Khắc Phú**  
Ngày **17-11-2017**  
Has successfully passed the **Training Course on**

Số chứng thực: **674... Quyển số: 171018**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:  
**Các phương pháp thí nghiệm**  
**Địa kỹ thuật hiện trường**

Tại: **Trường Đại học Mỏ - Địa chất**  
Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Methods of the in-situ Geotechnical Tests



Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2011  
**HIỆU TRƯỞNG**

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Ref. N° NT /ĐCCT

**HỒ NỮ AN**

HANOI UNIVERSITY  
OF MINING AND GEOLOGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Chứng nhận: **Trần Khắc Phú**

Ngày sinh: **14/12/1988**

Quê quán: **Nam Định**

Địa chỉ: **Thị trấn Gôi - Vụ Bản - Nam Định**

It is hereby certified that: **CHỨNG THỰC** đã hoàn thành chương trình đào tạo:

Mr/Mrs. **Trần Khắc Phú** SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH-Các phương pháp thí nghiệm

Has successfully passed the Training Course on **17-11-2017**  
**Phương pháp thí nghiệm địa chất**

Methods of the in-situ Geotechnical Tests  
Số chứng thực: **616**... Quyển số: **17-11-2017**  
Thời gian: Từ 15/06 đến 28/06 năm 2011  
Tại: **Trường Đại học Mỏ - Địa chất**



Ref. N°.NT /ĐCCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

KY CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

**Hồ Ngọc Tuyên**

HIỆU TRƯỞNG

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẰNG TỐT NGHIỆP**  
**TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP**

SỐ C 533459 / GD-DT



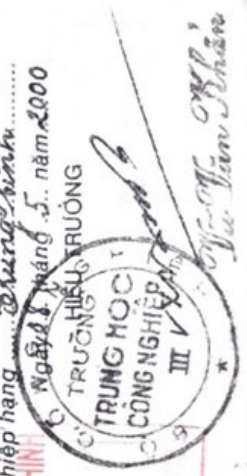
Theo quyết định số 74. QĐ/ĐT.....  
ngày 24... tháng 5... năm 2000

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG.....  
Trường học Công nghiệp III  
Cấp cho Đặng Thị Thùy Hoa  
Ngày sinh 14-02-1981  
Nơi sinh Đặng Mạc Lộc Hoá, Thuận Định  
Ngành học Điện chất  
Chuyên ngành.....  
Khóa học..... 1997-2000  
Hình thức đào tạo Đáp ứng đại học  
Trung bình

**THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

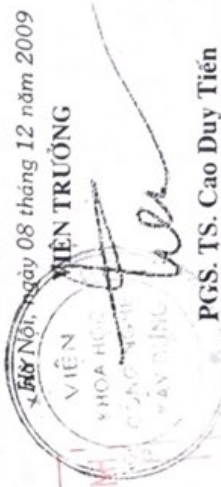
Vào số số 02... tháng 5... năm 2000...  
Ngày 08 tháng 5... năm 2000...  
Số chứng thực..... 1205... Quyết số.....



CHỦ TỊCH  
LẠI VĂN THẬT

**BẢN SAO**

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that:  <b>Mrs. Dang Thi Thuy Ha</b>      Has successfully passed the Training Course on  <i>Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Concrete and Building Materials</i>      In December 2009</p>	<p>CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>VIỆN TRƯỞNG      VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Bà <b>Đặng Thị Thúy Hà</b>      Ngày sinh: <b>14/2/1981</b> - Quê quán: <b>Hà Nam</b>      Cơ quan: Công ty CP TV Handic ĐT và phát triển nhà      Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về  <b>Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý</b>  <b>Bê tông và Vật liệu Xây dựng</b>      Thời gian tổ chức: Từ ngày 10/11 đến ngày 28/11/2009      Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng</p> <p>Viện trưởng      PGS. TS. Cao Duy Tiến</p>
---	--



**THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 02-04-2019  
 Ref. No: 5975/2009/VKH - TNXD  
 Số chứng thực ..... Quyển số: .....



**BẢN SAO**

ĐẠI HỌC MÔ ĐỊA CHẤT  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\*\*\*\*\*

Số 30 - 2002

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Bà : **Đặng Thị Thuý Hà** Trình độ học vấn : Trung cấp  
Ngày, tháng, năm sinh : Ngày 14 tháng 02 năm 1981  
Quê quán : Huyện Duy Tiên – Tỉnh Hà Nam  
Cơ quan công tác : Công ty Tư vấn xây dựng Nam Định  
Đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ thí nghiệm “**ĐẤT ĐÁ XÂY DỰNG**” do Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật của Trường đại học Mỏ - Địa chất đào tạo, thời gian 1.5 tháng (Từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 10 năm 2002).

Ngày 20 tháng 10 năm 2002



Chữ ký

**P. GIÁM ĐỐC**  
TRUNG TÂM  
NGHIÊN CỨU  
ĐỊA KỸ THUẬT

**THỰC BẢN SAO ĐÚNG (BẢN SAO CHỮ)**  
**Nguyễn Hồng**

NGÀY 02 - 04 - 2019

Số chứng thực ..... 120 Quyển số 1 ..... 3



CHỦ TỊCH  
**ĐẠI VĂN THUẬT**

**BẢN SAO**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẰNG NGHỀ

## HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: **000949116** //LDTBXH - DN

Trường: Cao đẳng nghề Giao thông  
Vận tải Trung ương I



Cấp cho: **NGUYỄN VĂN QUANG**  
Sinh ngày: 12/01/1988  
Nguyên quán: *Duy Tiên - Hà Nam*  
Nghề đào tạo: *Thí nghiệm oát liêu XDĐB*  
Từ ngày ..../.09/06. đến ngày ..../. 03/08.  
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7  
Tốt nghiệp hạng: Trung bình khá  
Theo quyết định số: 04/ĐT  
Ngày ..05. tháng ..04. năm ...2008

Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội ngày 5 tháng 4 năm 2008

**Hiệu trưởng**  
*(Signature)*  
**Đào Văn Đường**

Vào sổ số: 19.769  
Ngày ..05. tháng ..04. năm ..2008.

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 1857 quyền số: 01/202.2 SCT-B1  
Ngày ..18. tháng ..7. năm 202...2



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
VŨ VĂN HIỆP**

BẢN SAO

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION  
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người làm chứng

Số hiệu chứng chỉ: 2016/1636VKHCN

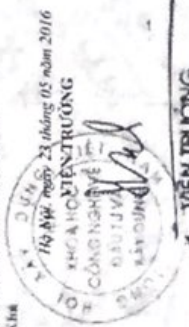
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP  
VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM  
CHỨNG NHẬN

Ông : NGHIÊM XUÂN SƠN  
Ngày sinh : 31 - 01 - 1992  
Quê quán : Ứng Hòa - Hà Nội  
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý vật liệu xây dựng trong  
phòng và hiện trường

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng -  
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.  
Thời gian đào tạo: Từ 13/05/2016 đến 20/05/2016  
Kết quả học tập: Khá



VIỆN TRƯỞNG  
GS.TSKH. Phùng Văn Lê

CHỨNG THỰC  
KINH VỊ CHỨC CHINH  
0 CT... 2... quyền số: R./SCT/BS  
Ngày 04 tháng 06 năm 20 16



PHÓ CHỦ TỊCH  
DUỠNG VĂN SƠN

BẢN SAO

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



Ref. N° 33.03/2016/ITNL

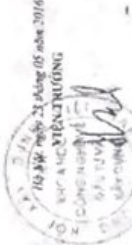
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHỊT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông : **NGHIÊM XUÂN SƠN**  
Ngày sinh : 31 - 01 - 1992  
Quốc tịch : **Việt Nam - Hà Nội**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo tốt nghiệp về:  
Thí nghiệm hiệu trường, kiểm tra hệ thống chống sét  
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng, Nhiệt Đới  
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.  
Thời gian đào tạo: Từ 13/05/2016 đến 20/05/2016  
Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



VIỆN TRƯỞNG

**GS.TS.KI. Phùng Văn Lưu**

CHỨNG THỰC  
ĐÃ SÁNG LƯƠNG VỚI SÀN CHÍNH  
Số CT: ... Quyển số: .../SCT/BS  
Ngày cấp: ... tháng ... năm 20...



**DUONG VAN SON**

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:  
Mr: Nghiem Xuan Son  
Has successfully passed Training  
Field test for checking the integrity and-bearing capacity of  
the Files  
In March 2017

CHỨNG THỰC  
KẾT QUẢ HỌC TẬP: ĐẠT LOẠI KHÁ.  
AN SẠC ĐÌNH TỚI BAN CHINH  
Số CT 338... Quyển số 1./SCT/BS  
Ngày 04 tháng 06 năm 2017



Ref. N°: 11.03/2017/TNVL

KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
DUƠNG VĂN SƠN

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Nghiem Xuan Son

Ngày sinh: 31 - 01 - 1992

Thường trú: Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội

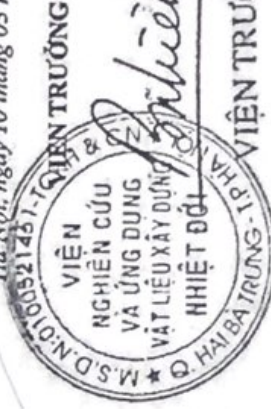
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:  
Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 2 năm 2017

Kết quả học tập: Đạt loại khá.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

BẢN SAO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

**BẰNG NGHỀ**

Số hiệu: 001025324 /LĐTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG**

Trưởng:.....CAO ĐĂNG.....  
.....GIAO THỐNG VĂN TÀI.....  
Cấp cho:.....NGUYỄN VIỆT THẮNG.....  
Sinh ngày:..06..07..1985.....  
Nguyên quán:..Gia Viễn - Ninh Bình.....  
Nghề đào tạo:..TNV Kiểm tra chất lượng đường bộ  
Từ ngày 10/09/06 đến ngày 10/04/2008  
Đạt trình độ thợ bậc:..3/.....  
- Thời gian học tập:.....Trung bình.....  
Kế hoạch định số:..448/QĐ.CĐGTVT.....  
Ngày ..10 tháng ..04.. năm 2008

Hà Nội ngày 10 tháng 04 năm 2008

THÔNG HIỆU TRƯỞNG



CHỨNG THỰC  
BẢN SAO CÙNG VỚI BAN CHỈNH  
SỐ C. 340 Quyển VI C.1./SC/78/P  
Ngày 07 tháng 06 năm 2008

Vào số số:.....2769.....  
Ngày ..10.. tháng ..04.. năm ..2008



KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH  
DUONG VAN SON

BẢN SAO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

**BẰNG NGHỀ**

Số hiệu: 000556317 /LĐTBMH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆU TRƯỞNG**

Trưởng: *Trương Lạc Giao* (thông thạo tiếng Anh)  
Cấp cho: *L.É. VĂN SỰ*  
Sinh ngày: *21.10.1982*  
Nguyên quán: *Phước Xuyên, Sóc Trăng*  
Nghề do tạo lập thành thạo: *Vật liệu dùng bị*  
từ ngày: *1.3.1985* đến ngày: *1.3.1985*  
Đạt mức độ thợ bậc: *5/7*  
Tốt nghiệp hạng: *Đ. và K. KINH. KH.Đ.*  
Theo quyết định số: *8/8197*  
Ngày *21* tháng *4* năm *1985*

Ngày *21* tháng *4* năm *1985*



*Trần Văn Đường*

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO DỰNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số CT: *111* Quyển số: *01/30/1985*  
Ngày: *27* tháng *6* năm *2002*

Vào số: *1682*  
Ngày *22* tháng *4* năm *1985*



DUƠNG VĂN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
*Đại học Mỏ - Địa chất*.....

cấp

## BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**  
ngành *Địa chất thủy văn - ĐBKT*  
hạng..... **TB. Khá**..... năm tốt nghiệp... **2009**

và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

A 323767

Số vào sổ

49-1182

*Kỹ sư*

cho..... *Đào Văn Thuận*.....

sinh ngày *21/07/1986* tại *Hải Dương*

ngày *29* tháng *06* năm *2009*

Chữ ký của người được cấp bằng

**CHỨNG THỰC**

**BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày tháng 5 năm 2009

PGS.TS. *Torin Đình Kiên*



*Nguyễn Văn Thuận*  
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN DUNG

**TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI  
ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ  
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: HUY-00082487

(Ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-SXD ngày 09/01/2020)



HUYỆN ỦY  
QUẬN HÀ NỘI

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người  
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: Đào Văn Thuận

Ngày tháng năm sinh: 21/7/1986

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 0300860006607

Cấp ngày: 13/02/2018 tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và  
DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Mở - Hà Nội

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chất lượng và địa chất  
công trình

Ngày ..... tháng 5 năm 2022

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP  
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 09/01/2020 đến 09/01/2025
2	/		
3	/		
4	/		
5	/		

Hưng Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2020

Giám đốc Sở Xây dựng Hưng Yên



Lương Anh Tuấn



*Nguyễn Văn Dũng*  
CHỦ TỊCH  
NGUYỄN VĂN DUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
*Đại học Mở - Địa chất*

cấp

## BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUI**

ngành *Địa chất công trình - ĐKT*

hạng *TB. Khá* năm tốt nghiệp *2005*

và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

**C 7.0B.7.3.5**

Số vào sổ

**45-0031**

*Hệ số*

cho *Nguyễn Văn Quảng*

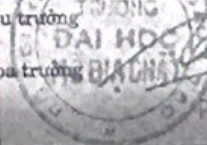
sinh ngày *06/09/1982* tại *Hà Nam*

*Đã tốt nghiệp* ngày *25 tháng 08 năm 2005*

Chữ ký của người được cấp bằng

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số CT: *1268* Quyển số: *19C71-3*  
Ngày: *14 tháng 5 năm 2021*

PGS.TS *Lưu Đình Thiện*



**CHỦ TỊCH**  
**NGUYỄN VĂN DUNG**